

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 54/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2022, về việc: “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:*

+ Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1990; địa chỉ: Xã B, huyện T, tỉnh Q.

+ Ông **Ngô Đức H**, sinh năm 1990; HKTT: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Q.

Chỗ ở hiện nay: Chung C, nhà 310 số 119 đường V, phường N, quận S, TP. Đà Nẵng.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Ngô Đức H đi đến hôn nhân vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đại L, tỉnh Q. Hôn nhân tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[2] Tại phiên hòa giải, bà Nguyễn Thị T và ông Ngô Đức H xác định: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, khác nhau về quan điểm sống. Xét thấy tình cảm của cả hai đã không còn, không thể chung sống với nhau được nữa. Vì vậy ông, bà đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn cho ông, bà.

[3] Xét yêu cầu đề nghị công nhận thuận tình ly hôn của bà Nguyễn Thị T và ông Ngô Đức H thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thật sự có được dựa trên sự yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng giữa bà Nguyễn Thị T và ông Ngô Đức H lại không làm được điều này. Tại phiên hòa giải, bà Nguyễn Thị T và ông Ngô Đức H đều xác định không còn tình cảm với nhau. Xét thấy, mâu thuẫn của bà T và ông H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của bà Nguyễn Thị T và ông Ngô Đức H là phù hợp quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Bà T và ông H xác định không có nên Tòa án không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Bà T và ông H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Các vấn đề khác: Bà T và ông H xác định không có nợ chung nên Tòa án không xem xét.

[7] Lệ phí giải quyết việc Hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng bà T và ông H tự nguyện chịu.

Xét thấy việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 04 tháng 05 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó theo quy định tại Điều 212, 213, 397 Bộ luật tố tụng dân sự.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị T và ông Ngô Đức H (*Do công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị T và ông Ngô Đức H nên Giấy chứng nhận kết hôn số 15 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Q cấp ngày 14/5/2017 không còn giá trị pháp lý*).

- Về con chung: Bà T và ông H xác định không có nên Tòa án không xem xét.

- Về tài sản chung: Bà T và ông H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Các vấn đề khác: Bà T và ông H xác định không có nợ chung nên Tòa án không xem xét.

2. Về Lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc Hôn nhân và gia đình: Bà T và ông H tự nguyện chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 3276 ngày 15/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng. Bà T và ông H đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND quận S;
- Chi cục THADS quận S;
- UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Q;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Đông Thanh**

